

Bản án số: **127/2024/HS-ST**
Ngày: 22-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Văn Bạo**

Ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Thuỳ Trang** – Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu mở phiên toà công khai xét xử án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLHS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024; Thông báo v/v thay đổi thời gian xét xử số 10/TB-TA ngày 26/3/2024; Thông báo v/v hoãn phiên toà số 10/TB-TA ngày 23/4/2024 đối với các bị cáo:

Đặng Thị H; Sinh ngày: 16.02.1978 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: 140/5 Hải Phòng, tổ C, P. T, Q. H, TP .; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Cha: Đặng Bá S (SN: 1946); Mẹ: Nguyễn Thị Lệ T (SN: 1952); Có chồng: Nguyễn Văn D và 02 con sinh năm 2000, 2001; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11.01.2024. Có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; Địa chỉ: E T, phường T, quận S, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận C, Tp .. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23/9/1999; Địa chỉ: Tổ B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh ngày 15/3/1985; Địa chỉ: K N, phường T, quận H, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Lê Thùy T2, sinh ngày 28/12/1993; Địa chỉ: Tổ G, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Phạm Tiến Q, sinh ngày 14/4/2001; Địa chỉ: K H T, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Đào Bảo L, sinh ngày 16/02/2001; Địa chỉ: 1 Q, phường T, quận H, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Lê Văn T3, sinh ngày 04/11/1999; Địa chỉ: Tổ B, phường M, quận S, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị Kiều N, sinh ngày 03/01/1993; Địa chỉ: Ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Vắng mặt.
- Ông Phạm Tiến Đ, sinh ngày 11/7/1994; Địa chỉ: K H T, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Ông Huỳnh Ngọc N1, sinh ngày 23/8/1993; Địa chỉ: K T, phường H, quận H, Tp.Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị T4, sinh ngày 08/5/1969; Địa chỉ: Tổ A, phường T, quận T, Tp.Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Ông Huỳnh Hữu C, sinh ngày 16/3/1994; Địa chỉ: K T, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Bà Đặng Thị D2, sinh ngày 02/01/1963; Địa chỉ: Tổ A, Thôn X, phường T, Tp H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: A N, phường H, quận C, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn Anh H3, sinh ngày 24/5/2004; Địa chỉ: K H, phường H, quận H, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông Trần Văn H4, sinh ngày 13/5/1970; Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận H, Tp.Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Ông Lê Bá Đ1, sinh ngày 08/7/1990; Địa chỉ: Tổ D, phường T, quận T, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông Phan Văn R, sinh ngày 14/8/1994; Địa chỉ: Tổ E, phường M, quận N; Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/5/1972; Địa chỉ: K N, phường T, quận H, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Bà Lê Thị Mai L1; sinh ngày 30/5/1968; Địa chỉ: Tổ C, phường B, quận H, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Ông Dương Quang T5, sinh ngày 04/01/1995; Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận T, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Ông Lê Văn T6; Địa chỉ: K T, phường H, quận H, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ: 1 Hải Phòng, tổ C, P. T, Q. H, TP . (chồng bị cáo H); Có mặt.
- Công ty TNHH W; Địa chỉ Số 16-18 X, phường D, quận T, Tp . Hồ Chí Minh.
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; Địa chỉ: P, chung cư N, phường N, quận S, TP Đà Nẵng;
- Bà Nguyễn Hải N2, sinh năm 1994; Địa chỉ: C C, phường T, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Bà Đặng Thị Hà V, sinh năm 1988; Địa chỉ: D N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Thúy H5, sinh năm 1993; Địa chỉ: D D, phường M, quận N, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, Đặng Thị H mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống mang tên “Dũng H6” tại E C, P, Q. H, TP . để hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống. Quá trình hoạt động, nhận thấy có nhiều khách hàng có nhu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng (sau

đây gọi tắt là GTGT) để thực hiện việc quyết toán tiền sử dụng dịch vụ ăn uống của khách hàng với công ty, bên cạnh đó trong thời gian trên tình hình hoạt động kinh doanh của H6 không tốt, không có thu nhập nên H6 nảy sinh ý định thành lập doanh nghiệp để xuất bán hóa đơn GTGT cho khách hàng khi có yêu cầu nhằm thu lợi bất chính. Sau đó, H6 đến gặp bà Nguyễn Thị D1 tại Tổ E, thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng- là cháu ruột của H6 để mượn giấy chứng minh nhân dân của bà D1 nói là để làm một số thủ tục nhưng thực tế là để thành lập doanh nghiệp, do bận công việc và tin tưởng Hương D3 không hỏi bà H6 mượn chứng minh nhân dân của D3 để làm mục đích gì mà đồng ý cho mượn, sau đó H6 phô tô chứng minh nhân dân này lại rồi trả bản chính cho bà D3. Tiếp đó, thông qua mạng xã hội H6 liên hệ với một người không rõ lai lịch chuyên cung cấp dịch vụ hỗ trợ thành lập doanh nghiệp để nhờ làm thủ tục thành lập doanh nghiệp với chi phí 1.500.000 đồng. Khi người này yêu cầu H6 cung cấp thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hình ảnh địa điểm kinh doanh, số điện thoại liên lạc... thì H6 chụp ảnh một cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống tại địa chỉ 3 N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để cung cấp kèm theo bản phô tô chứng minh nhân dân của bà D3 và các số điện thoại 0774.414.688/0905319697/0779420634 để đăng ký. Sau khi gặp người này kí xác nhận vào các tài liệu và đưa tiền thì sau khoảng 01 tuần, người này liên hệ bà H6 đến tại khu vực đường L nhận 01 tập tài liệu có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8 (địa chỉ: 3 N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) Mã số doanh nghiệp: 0402049911 do Nguyễn Thị D1 (Sinh năm: 1995; HKTT: Tổ D, phường H, quận C, Tp.Đà Nẵng) làm Giám đốc, sau khi có mã số doanh nghiệp thì bà H6 đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với Chi cục Thuế Khu vực T9 - L, thành phố Đà Nẵng.

Theo bà Nguyễn Thị H1 thì sau khi được H6 thuê, bà H1 đã thuê lại 01 người tên Nguyễn Thị B để nộp hồ sơ vào Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng với chi phí 500.000đ/01 Công ty.

Ngoài ra, Đặng Thị H còn nhờ 01 người tên Nguyễn Hải N2 nhờ thành lập Công ty T8, N2 chỉ lấy chi phí 150.000đ là phí thành lập doanh nghiệp. Do dịch C1 nên N2 đã nhờ Đặng Thị Hà V là nhân viên bộ phận một cửa phòng đăng ký kinh doanh nộp hồ sơ giúp.

Cả H1, B, N2 và V đều không biết mục đích của việc thành lập Công ty này là gì, không tham gia hay thực hiện việc kê khai báo thuế.

Với thủ đoạn tương tự, Đặng Thị H đã tiến hành thành lập thêm 20 doanh nghiệp khác để thực hiện việc xuất bán hóa đơn nhằm mục đích thu lợi bất chính gồm:

1. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402006650, thành lập ngày 14/10/2019, địa chỉ: I N, phường H, quận C. Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23/9/1999, số CMND: 212832993, ngày cấp 21/02/2018, nơi cấp: Công an tỉnh Q; nơi đăng ký HKTT: Tổ B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402024716, thành lập ngày 20/01/2020, địa chỉ: 3 N, phường A, quận T, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn H2, sinh ngày 15/3/1985, số CMND: 201487300, ngày cấp 29/7/2014, nơi cấp: Công an T10; nơi đăng ký HKTT: K106/12 N, phường T, quận H, Tp.Đà Nẵng.

3. Công ty TNHH MTV C2, MST: 0402033414, thành lập ngày 20/3/2020, địa chỉ: B L, phường H, quận C, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Nguyễn Lê Thùy

- T2, sinh ngày 28/12/1993, số CMND: 201686294, ngày cấp 25/7/2017, nơi cấp: Công an T10; nơi đăng ký HKTT: Tổ G, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng.
4. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402033407, thành lập ngày 20/3/2020, địa chỉ: A B, phường H, quận C, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Phạm Tiến Q, sinh ngày 14/4/2001, số CMND: 201814892, ngày cấp 02/02/2017, nơi cấp: Công an T10; nơi đăng ký HKTT: K25 H T, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng.
5. Công ty TNHH MTV Đ2, MST: 0402050610, thành lập ngày 06/7/2020, địa chỉ: D N, phường H, quận L, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Đào Bảo L, sinh ngày 16/02/2001, số CMND: 201839264, ngày cấp 17/5/2018, nơi cấp: Công an T10; nơi đăng ký HKTT: 1 Q, phường T, quận H, Tp.Đà Nẵng.
6. Công ty TNHH T8, MST: 0402063320, thành lập ngày 07/10/2020, địa chỉ: D T, phường H, quận N, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Lê Văn T3, sinh ngày 04/11/1999, số CMND: 201836870, ngày cấp 26/12/2017, nơi cấp: Công an T10; nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường M, quận S, Tp.Đà Nẵng.
7. Công ty TNHH MTV N3, MST: 0402065409, thành lập ngày 21/10/2020 địa chỉ: A N, phường T, quận T, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Lê Thị Kiều N, sinh ngày 03/01/1993, số CMND: 312193412, ngày cấp 05/4/2017, nơi cấp: Công an tỉnh T; nơi đăng ký HKTT: Ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
8. Công ty TNHH MTV N4, MST: 0402073590, thành lập ngày 14/12/2020, địa chỉ: 1 N, phường X, quận T, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Phạm Tiến Đ, sinh ngày 11/7/1994, số CMND: 201671478, ngày cấp 27/5/2015, nơi cấp: Công an T10; nơi đăng ký HKTT: K25 H T, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng.
9. Công ty TNHH T8, MST: 0402174535, thành lập ngày 16/12/2022, địa chỉ: 1 L, phường C, quận T, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Huỳnh Ngọc N1, sinh ngày 23/8/1993, số CCCD: 048093001416, ngày cấp 20/01/2022, nơi cấp: Cục C3 về TTXH; nơi đăng ký HKTT: K T, phường H, quận H, Tp.Đà Nẵng.10.
10. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402167707, thành lập ngày 11/10/2022, địa chỉ: B Đ, phường T, quận T, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị T4, sinh ngày 08/5/1969, số CCCD: 046169009132, ngày cấp 08/6/2022, nơi cấp: Cục C3 về TTXH; nơi đăng ký HKTT: Tổ A, phường T, quận T, Tp.Đà Nẵng.
11. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172707, thành lập ngày 24/11/2022, địa chỉ: K N, phường T, quận T, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Huỳnh Hữu C, sinh ngày 16/3/1994, số CCCD: 048094005183, ngày cấp 28/6/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH; nơi đăng ký HKTT: K T, phường B, quận H, Tp.Đà Nẵng.
12. Công ty TNHH T8, MST: 0402157628, thành lập ngày 15/7/2022, địa chỉ: Lô F đường L, phường H, quận C Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Đặng Thị D2, sinh ngày 02/01/1963, số CMND: 190192683, ngày cấp 24/9/2013, nơi cấp: Công an tỉnh T; nơi đăng ký HKTT: Tổ A, Thôn X, phường T, Tp H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: A N, phường H, quận C, Tp.Đà Nẵng.
13. Công ty TNHH MTV V1, MST: 0402176028, thành lập ngày 04/01/2023, địa chỉ: E T, phường H, quận L. Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Anh H3, sinh ngày 24/5/2004, số CCCD: 048204001478, ngày cấp 27/4/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH; nơi đăng ký HKTT: K H, phường H, quận H, Tp.Đà Nẵng.

14. Công ty TNHH T8 Thịnh, MST: 0402179766, thành lập ngày 13/02/2023, địa chỉ: C H, phường H, quận L, Tp.Đà Nẵng. Người đại diện pháp luật: Trần Văn H4, sinh ngày 13/5/1970, số CCCD: 048070009784, ngày cấp 22/12/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH; nơi đăng ký HKTT: Tổ C, phường H, quận H, Tp.Đà Nẵng.

15. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402179290, thành lập ngày 08/02/2023, địa chỉ: 4 T, phường H, quận C. Người đại diện pháp luật: Lê Bá Đ1, sinh ngày 08/7/1990, số CCCD: 048090005946, ngày cấp 22/12/2021, nơi cấp: Cục C3 về TTXH; nơi đăng ký HKTT: Tổ D, phường T, quận T, Tp.Đà Nẵng.

16. Công ty TNHH T8, MST: 0402177180, thành lập ngày 12/01/2023, địa chỉ: 1 T, phường K, quận C. Người đại diện pháp luật: Phan Văn R, sinh ngày 14/8/1994, số CMND: 201728745, ngày cấp 07/01/2016, nơi cấp: Công an T10; nơi đăng ký HKTT: Tổ E, phường M, quận N.

17. Công ty TNHH T8, MST: 0402074153, thành lập ngày 15/12/2020, địa chỉ: K H, phường H, quận T. Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/5/1972; số CMND: 201329641, ngày cấp 26/4/2017, nơi cấp: Công an T10; HKTT: K106/12 N, phường T, quận H, TP Đà Nẵng.

18. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402073657, thành lập ngày 14/12/2020, địa chỉ: A N, phường T, quận T. Người đại diện pháp luật: Lê Thị Mai L1; sinh ngày 30/5/1968, số CMND: 200995469, ngày cấp 08/10/2020, nơi cấp: Công an T10; HKTT: Tổ C, phường B, quận H, TP Đà Nẵng.

19. Công ty TNHH T8, MST: 0402074072, thành lập ngày 15/12/2020, địa chỉ: K B, phường H, quận T. Người đại diện pháp luật: Dương Quang T5, sinh ngày 04/01/1995, số CMND: 201682460, ngày cấp 20/12/2014, nơi cấp: Công an T10; HKTT: Tổ A, phường H, quận T, TP Đà Nẵng.

20. Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172915, thành lập ngày 25/11/2022, địa chỉ: D Đ, phường H, quận L. Người đại diện pháp luật: Lê Văn T6, số CCCD: 048092006821, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; HKTT: K T, phường H, quận H, TP Đà Nẵng.

Sau khi thành lập được 21 Công ty trên, H liên hệ với các kế toán dịch vụ (không rõ lai lịch) để mua phần mềm hoá đơn điện tử của công ty chuyên cung cấp dịch vụ phần mềm hóa đơn như phần mềm WINNET của Công ty TNHH W (Địa chỉ Số 16-18 X, phường D, quận T, Tp . Hồ Chí Minh) về sử dụng để xuất các hóa đơn GTGT cho khách hàng có nhu cầu thông qua một số môi giới liên hệ trên mạng xã hội tên D1, H7, H8 (không rõ lai lịch) và với mỗi tờ hóa đơn xuất bán thì H sẽ thu lợi 2,5% số tiền trước thuế ghi trên hoá đơn. Đồng thời thông qua mạng xã hội, H thuê một người tên H1 (không rõ lai lịch) để thực hiện việc kê khai báo cáo thuế của 21 Công ty trên, với giá 500.000 đồng/tháng/Công ty với cách thực: H sẽ cung cấp bảng kê hoá đơn GTGT bán ra của 21 Công ty trên để H1 kê khai giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra và yêu cầu H1 kê khai không giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào để báo cáo cho cơ quan thuế. Sau khi nhận được tiền do các khách hàng chuyển đến thì H nhờ Nguyễn Lê Thùy T2 (sinh năm 1993, trú tại: K T, phường B, quận H, TP . là cháu ruột của H) đến ngân hàng nơi mở tài khoản của Công ty, dùng séc rút tiền rồi đem tiền mặt đến nhà để đưa cho H. Đồng thời, H mượn 02 tài khoản Ngân hàng số 2016206073288, 1222224399999 của Dương Quang T5 (sn: 1995, trú: Tổ A, P. H, Q. T, TP .- là con rể H) để sử dụng chuyển khoản

trả lại cho các môi giới nhằm mục đích hợp thức nguồn tiền thanh toán qua ngân hàng cho hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT của H. Qua xác minh các công ty nói trên đều không có trụ sở, địa điểm kinh doanh, không có hoạt động kinh doanh trên thực tế, không có cán bộ công nhân viên và đều không phải do những người có tên nói trên đứng tên đại diện pháp luật quản lý điều hành hoạt động mà do Đặng Thị H thành lập để thực hiện việc xuất bán hóa đơn cho những tổ chức cá nhân có nhu cầu mà không thực hiện việc mua bán hàng hóa, kinh doanh dịch vụ trên thực tế. Để qua mắt lực lượng chức năng Đặng Thị H đã thuê các đối tượng (không rõ lai lịch) thực hiện việc mua hóa đơn đầu vào của một số công ty và thực hiện báo cáo thuế định kỳ cho cơ quan quản lý thuế.

Quá trình điều tra xác định từ ngày 23.11.2019 đến ngày 30.9.2023 Đặng Thị H đã xuất bán các hóa đơn GTGT thông qua các công ty do H thành lập cụ thể như sau:

1. CÔNG TY TNHH MTV T8 THỊNH: Từ ngày 23/11/2019 đến 07/07/2020, H xuất bán tổng cộng 1252 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 7.141.122.679 đồng.

2. CÔNG TY TNHH MTV T8 TÂM: Từ ngày 14/02/2020 đến ngày 28/11/2020, H xuất bán tổng cộng 986 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 5.154.125.195 đồng.

3. CÔNG TY TNHH MTV C2: Từ ngày 16/04/2020 đến ngày 19/06/2021, H xuất bán tổng cộng 1663 Hóa đơn với tổng giá trị trước Thuế 8.655.089.988 đồng, T7 865.509.020 đồng.

4. CÔNG TY TNHH MTV T8: Từ ngày 16/04/2020 đến ngày 02/01/2023, H xuất bán tổng cộng 7335 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 39.395.629.075 đồng.

5. CÔNG TY TNHH MTV Đ2: Từ ngày 11/7/2020 đến ngày 30/06/2022, H xuất bán tổng cộng 5750 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 37.738.973.521 đồng.

6. CÔNG TY TNHH T8 KIỀU: Từ ngày 17/10/2020 đến 18/01/2022 H đã xuất bán tổng cộng: 1939 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.018.795.945 đồng.

7. CÔNG TY TNHH MTV N3 LÊ: Từ ngày 04/11/2020 đến 20/12/2021, H đã xuất bán tổng cộng 2307 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 12.382.148.628 đồng.

8. CÔNG TY TNHH MTV N4: Từ ngày 18/12/2020 đến ngày 22/02/2022, H xuất bán tổng cộng 2599 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 14.193.859.639 đồng.

9. CÔNG TY TNHH T8: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/09/2023, H xuất bán tổng cộng 796 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 7.203.265.891 đồng.

10. CÔNG TY TNHH MTV T8: Từ ngày 18/10/2022 đến ngày 16/01/2023, H xuất bán tổng cộng 1019 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 10.134.492.285 đồng.

11. CÔNG TY TNHH MTV T8 TỔNG HỢP HỮU CHÍNH PHÁT: Từ ngày 02/12/2022 đến ngày 13/01/2023, H xuất bán tổng cộng 523 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 6.374.646.832 đồng.

12. CÔNG TY TNHH T8 VÀ DV TỔNG HỢP THÀNH ĐẠT PHÚC: Từ ngày 21/07/2022 đến ngày 09/02/2023, H xuất bán tổng cộng 3528 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 30.748.234.058 đồng.

13. CÔNG TY TNHH MTV V1: Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023, H xuất bán tổng cộng 31 Hóa đơn với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 134.889.037 đồng.

14. CÔNG TY TNHH T8 AN KHANG THỊNH: Từ ngày 01/02/2023 đến 30/07/2023, H xuất bán tổng cộng 594 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 4.098.584.357 đồng.

15. CÔNG TY TNHH MTV T8: Từ ngày 13/02/2023 đến ngày 30/08/2023, H xuất bán tổng cộng 810 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 6.163.848.622 đồng.

16. CÔNG TY TNHH T8: Từ ngày 13/01/2023 đến ngày 30/09/2023, H xuất bán tổng cộng 634 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 6.266.573.237 đồng.

17. CÔNG TY TNHH T8 VẬN TẢI MAI DŨNG: Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 05/01/2023, H xuất bán tổng cộng 4896 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 53.507.228.831 đồng.

18. CÔNG TY TNHH MTV T8 SƠN: Từ ngày 19/12/2020 đến ngày 13/01/2023, H xuất bán tổng cộng 8991 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 60.348.081.256 đồng.

19. CÔNG TY TNHH T8: Từ ngày 26/12/2020 đến ngày 06/01/2023, H xuất bán tổng cộng 5124 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 56.575.516.380 đồng.

20. CÔNG TY TNHH MTV T8 VĂN LÊ GIA: Từ ngày 06/12/2022 đến ngày 03/02/2023, H xuất bán tổng cộng 554 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 5.821.818.653 đồng.

21. CÔNG TY TNHH MTV T8 TỔNG HỢP HÒA THUẬN AN: Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 13/12/2022, H xuất bán tổng cộng 8557 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 52.158.429.891 đồng.

Tổng cộng, từ ngày 23.11.2019 đến ngày 30.9.2023, Đặng Thị H đã xuất bán tổng 59.798 Hóa đơn GTGT với tổng số tiền trước thuế ghi trong hóa đơn là 425.215.354.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm tỷ hai trăm mười lăm triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn đồng) và thu lợi bất chính số tiền 2,5% giá trị trước thuế ghi trên hóa đơn là 10.630.383.850 đồng (mười tỷ sáu trăm ba mươi triệu ba trăm tám mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng) số tiền này bị cáo đã sử dụng hết. Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*** Vật chứng tạm giữ:**

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402049911; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị D1”;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172915; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 VĂN LÊ GIA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Văn T6”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402006650;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402024716;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV C2, MST: 0402033414;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402063320;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N3, MST: 0402065409;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N4, MST: 0402073590;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402033407; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phạm Tiến Q”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV Đ2, MST: 0402050610; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV Đ2”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đào Bảo L”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402174535; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 HUỖNH NGHĨA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Huỳnh Ngọc N1”;
- 02 (hai) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402167707; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị T4”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172707; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 TỔNG HỢP HỮU CHÍNH PHÁT”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Huỳnh Hữu C”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402157628; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 VÀ DV TỔNG HỢP THÀNH ĐẠT PHÚC”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đặng Thị D2”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV V1, MST: 0402176028; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV V1”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Anh H3”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8 Thịnh, MST: 0402179766; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 THỊNH”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Trần Văn H4”;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402179290; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Bá Đ1”;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402177180; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phan Văn R”;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074153; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số: 00001 của Công ty T8; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 DỮNG”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn D”; 01 (một) USB token chữ ký số màu đỏ có ghi chữ “MD” phía ngoài bằng bút mực;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402073657; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 SƠN”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Thị Mai L1”; 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “HOA SƠN”;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074072; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Dương Quang T5”; 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “QUANG THÀNH”;

- 01 (một) USB token chữ ký số màu đỏ có ghi chữ “MD” phía ngoài bằng bút mực; 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “HOA SƠN”; 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “QUANG THÀNH”;

- 01 (một) máy tính xách tay, bên ngoài và bàn phím dán decan màu trắng có nhiều hình hoa tiết khác nhau, chưa xác định nhãn hiệu và chưa kiểm tra tình trạng bên trong; kèm 01 dây nguồn màu đen;

- 16 (mười sáu) USB token chữ ký số, trong đó: 11 USB màu đỏ, 04 USB màu trắng và 01 USB màu xanh;

Với nội dung trên, tại Bản cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 03/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố: Bị cáo Đặng Thị H về tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” quy định tại Điểm b, d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố đúng tội, không oan. Bị cáo Đặng Thị H chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sớm trở về lao động, chăm sóc gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm b, d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Thị H mức án từ 03 năm – 04 năm tù.

* Xử lý vật chứng:

- Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402049911; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172915; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402006650; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402024716; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV C2, MST: 0402033414; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402063320; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N3, MST: 0402065409; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N4, MST: 0402073590; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402033407; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV Đ2, MST: 0402050610; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402174535; 02 (hai) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402167707; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172707; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402157628; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV V1, MST: 0402176028; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8 Thịnh, MST: 0402179766; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402179290; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402177180; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074153; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số: 00001 của Công ty T8; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402073657; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074072.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) máy tính xách tay, bên ngoài và bàn phím dán decan màu trắng có nhiều hình hoạ tiết khác nhau, chưa xác định nhãn hiệu và chưa kiểm tra tình trạng bên trong; kèm 01 dây nguồn màu đen là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị D1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 VĂN LÊ GIA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Văn T6”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phạm Tiến Q”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV Đ2”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đào Bảo L”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 HUỲNH NGHĨA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Huỳnh Ngọc N1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị T4”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 TỔNG HỢP HỮU CHÍNH PHÁT”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Huỳnh Hữu C”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 VÀ DV TỔNG HỢP THÀNH ĐẠT PHÚC”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đặng Thị D2”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV V1”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Anh H3”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 THỊNH”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Trần Văn H4”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Bá Đ1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phan Văn R”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 DỪNG”;

01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn D”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 SƠN”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Thị Mai L1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Dương Quang T5”;

+ 01 (một) USB token chữ ký số màu đỏ có ghi chữ “MD” phía ngoài bằng bút mực;

+ 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “HOA SƠN”; 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “QUANG THÀNH”;

+ 16 USB token chữ ký số, trong đó: 12 USB màu đỏ, 04 USB màu trắng và 01 USB màu xanh.

* Dân sự: Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền mà bị cáo Đặng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc xuất bán hóa đơn GTGT là 10.630.383.850 đồng (mười tỷ sáu trăm ba mươi triệu ba trăm tám mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng)

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về xác định hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Thị H: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong suốt quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Trong thời gian từ ngày 23.11.2019 đến ngày 30.9.2023 tại địa bàn quận L, T, C, N, TP ., Đặng Thị H đã đăng kí thành lập 21 doanh nghiệp để xuất bán không, không kèm theo hàng hoá, dịch vụ 59.798 (năm mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi tám) hóa đơn GTGT qua đó thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn GTGT là 10.630.383.850 đồng (mười tỷ sáu trăm ba mươi triệu ba trăm tám mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng) và lấy đây làm nguồn sống chính của bản thân.

Hành vi nêu trên của Đặng Thị H đã phạm vào tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” quy định tại điểm b, d, đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Thị H thì thấy: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền để phục vụ những nhu cầu của bản thân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà

nước, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả với số tiền 20.000.000đ. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của địa phương, không có nhà cửa, cả gia đình bị cáo phải ở nhà thuê. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đặng Thị H.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402049911; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172915; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402006650; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402024716; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV C2, MST: 0402033414; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402063320; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N3, MST: 0402065409; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N4, MST: 0402073590; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402033407; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV Đ2, MST: 0402050610; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402174535; 02 (hai) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402167707; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172707; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402157628; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV V1, MST: 0402176028; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8 Thịnh, MST: 0402179766; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402179290; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402177180; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074153; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số: 00001 của Công ty T8; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402073657; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074072 (vì đây là chứng cứ của vụ án đã được đánh dấu bút lục, cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án);

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) máy tính xách tay, bên ngoài và bàn phím dán decan màu trắng có nhiều hình hoạ tiết khác nhau, chưa xác định nhãn hiệu và chưa kiểm tra tình trạng bên trong; kèm 01 dây nguồn màu đen là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy;

+ 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị D1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 VĂN LÊ GIA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Văn T6”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phạm Tiến Q”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV Đ2”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đào Bảo L”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 HUỲNH NGHĨA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Huỳnh Ngọc N1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị T4”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 TỔNG HỢP HỮU CHÍNH PHÁT”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Huỳnh Hữu C”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 VÀ DV TỔNG HỢP THÀNH ĐẠT PHÚC”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đặng Thị D2”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV V1”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Anh H3”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 THỊNH”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Trần Văn H4”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Bá Đ1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phan Văn R”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 DŨNG”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn D”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 SƠN”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Thị Mai L1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Dương Quang T5”;

+ 01 (một) USB token chữ ký số màu đỏ có ghi chữ “MD” phía ngoài bằng bút mực;

+ 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “HOA SƠN”; 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “QUANG THÀNH”;

+ 16 USB token chữ ký số, trong đó: 12 USB màu đỏ, 04 USB màu trắng và 01 USB màu xanh.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền mà bị cáo Đặng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc xuất bán hóa đơn GTGT là 10.630.383.850 đồng, bị cáo đã nộp được số tiền 20.000.000đ, còn lại phải truy thu số tiền là 10.610.383.850 đồng (mười tỷ sáu trăm mười triệu ba trăm tám mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng).

(Toàn bộ vật chứng nêu trên, Chi cục thi hành án Dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2024)

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Đặng Thị H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nay cả gia đình đều đang đi ở nhà thuê, bị cáo không có tài sản gì khác do đó không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với Nguyễn Lê Thùy T2 (cháu ruột Đặng Thị H) được Đặng Thị H nhờ đi rút tiền mặt giúp thì bà T2 hoàn toàn không biết việc H thực hiện hành vi Mua bán trái phép hóa đơn nên T2 đã đồng ý rút tiền giúp H và giao lại số tiền đã rút cho H mà không hưởng bất kỳ lợi ích nào. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an quận L không đề cập xử lý đối với bà T2 là có căn cứ, HĐXX không xem xét.

Đối với Dương Quang T5 (con rể Đặng Thị H) có hành vi cho Đặng Thị H mượn chứng minh nhân dân và tài khoản Ngân hàng mang tên mình để H đăng kí thành lập doanh nghiệp và sử dụng chuyển, rút tiền nhưng T5 hoàn toàn không biết việc H sử

dùng thông tin chứng minh nhân dân của mình để thành lập doanh nghiệp cũng như không biết và không tham gia vào quá trình điều hành công ty do H thành lập để thực hiện hành vi liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn và không hưởng lợi ích gì từ H nên Cơ quan CSĐT Công an quận L không đề cập vấn đề xử lý đối với T5 là có căn cứ, HĐXX không xem xét.

Đối với những người mà Đặng Thị H mượn chứng minh nhân dân để lấy thông tin thành lập doanh nghiệp hoàn toàn không biết, không liên quan đến các doanh nghiệp và hành vi mua bán hóa đơn của Đặng Thị H nên Cơ quan CSĐT Công an quận L không đề cập xử lý là có căn cứ, HĐXX không xem xét.

Đối với các công ty trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có phát sinh và sử dụng hóa đơn GTGT của một trong các công ty do Đặng Thị H Thành lập để mua bán hóa đơn để báo cáo thuế với số lượng 420 hóa đơn, tổng số tiền trước thuế 1.869.246.065 đồng, thuế GTGT 209.963.216 đồng. nhân viên của những công ty này thực tế có tiếp khách tại các địa điểm ăn uống trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hoặc mua văn phòng phẩm, hàng hóa dịch vụ qua mạng internet. Sau đó, cung cấp thông tin cho bên cung cấp dịch vụ ăn uống và bên đơn vị bán hàng lấy hóa đơn GTGT điện tử liên quan dịch vụ ăn uống, mua bán hàng hóa nhằm mục đích đem về công ty thực hiện việc kê khai thuế theo quy định. Sau khi nhận được hóa đơn và đem về công ty, các kế toán của các công ty này đã tiến hành kiểm tra thông tin hóa đơn và thông tin của các công ty nói trên trên trang website của cơ quan thuế thì xác nhận có công ty đang hoạt động và hóa đơn GTGT điện tử do công ty trên xuất ra là đúng quy định. Vì vậy, các công ty trên đã sử dụng hóa đơn GTGT điện tử của các công ty để lập hồ sơ chứng từ và thực hiện việc kê khai thuế. Sau khi biết được hóa đơn do các công ty của Đặng Thị H cung cấp không có giá trị thì các công ty đã tiến hành việc báo cáo thuế bổ sung và nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước số tiền thuế GTGT đã kê khai 209.963.216 đồng. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận L không đề cập xử lý là có căn cứ, HĐXX không xem xét.

Đối với các vấn đề khác có liên quan, cụ thể:

+ Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an quận L đã tiến hành ra Quyết định ủy thác điều tra và các thông tin tài liệu kèm theo gửi Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận C4, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận D4, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an Công an quận E, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận F, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận A1, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận A2, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận A3, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận G, thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan CSĐT Công an quận P, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan CSĐT Công an quận B, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận H, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận T, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận L, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Hà Nội; Cơ quan

CSĐT Công an quận Đ, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận H, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận H, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận T, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận H, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận B, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an quận N, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã S, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện C, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện G, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện H, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện M, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện S, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, thành phố Hà Nội; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh B1; Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã K, tỉnh Hải Dương; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Hải Dương; Cơ quan CSĐT Công an thành phố C, tỉnh Hải Dương; Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, tỉnh Hải Dương; Cơ quan CSĐT Công an quận N, thành phố Hải Phòng; Cơ quan CSĐT Công an huyện A, thành phố Hải Phòng; Cơ quan CSĐT Công an quận H, thành phố Hải Phòng; Cơ quan CSĐT Công an quận H, thành phố Hải Phòng; Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Cơ quan CSĐT Công an huyện A, tỉnh Hưng Yên; Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên; Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Hưng Yên; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình; Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Hà Nam; Cơ quan CSĐT Công an thành phố N, tỉnh Nam Định; Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Ninh Bình; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Cơ quan CSĐT Công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Hà Giang; Cơ quan CSĐT Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Cơ quan CSĐT Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai; Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Lào Cai; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Cơ quan CSĐT Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang; Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, tỉnh Nghệ An; Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh Nghệ An; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Nghệ An; Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình; Cơ quan CSĐT Công an

huyện T, tỉnh Quảng Bình; Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Quảng Trị; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Quảng Trị; Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Quảng Trị; Cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh Quảng Trị; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Trị; Cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh Quảng Trị; Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện Q, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện D, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam; Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q, tỉnh Bình Định; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã A, tỉnh Bình Định; Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Bình Định; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Bình Định; Cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh Bình Định; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Bình Định; Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Bình Định; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, thành phố P; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên; Cơ quan CSĐT Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận; Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Cơ quan CSĐT Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum; Cơ quan CSĐT Công an Đ3, tỉnh Kon Tum; Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Kon Tum; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Kon Tum; Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Kon Tum; Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Gia Lai; Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Cơ quan CSĐT Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã G, tỉnh Đắk Nông; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã P, tỉnh Bình Phước; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương; Cơ quan CSĐT Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương; Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Bình Dương; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Bình

Dương; Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Đồng Nai; Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Cơ quan CSĐT Công an huyện X, tỉnh Đồng Nai; Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai; Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, tỉnh Vũng Tàu; Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Long An; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Long An; Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Long An; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Long An; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Long An; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Tiền Giang; Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre; Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Cơ quan CSĐT Công an Thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Cơ quan CSĐT Công an thành phố L, tỉnh An Giang; Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh An Giang; Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Cơ quan CSĐT Công an quận N, thành phố Cần Thơ; Cơ quan CSĐT Công an quận B, thành phố Cần Thơ; Cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Cần Thơ; Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang; Cơ quan CSĐT Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và Cơ quan CSĐT Công an thành phố C, tỉnh Cà Mau để tiến hành làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng hóa đơn GTGT của một trong các công ty nói trên để xem xét có hay không hành vi phạm tội hoặc hành vi vi phạm pháp luật để xử lý theo quy định của pháp luật. Đến nay, Cơ quan CSĐT Công an quận L vẫn chưa nhận được văn bản trả lời, do đó sẽ tiếp tục điều tra, xử lý sau là có cơ sở, HĐXX không xem xét.

+ Ngày 23/05/2024, Cơ quan CSĐT Công an quận L ra Quyết định trưng cầu giám định số 772/QĐ-ĐCSKT về việc trưng cầu Cục Thuế thành phố Đ giám định hành vi của Đặng Thị H có hành vi trốn thuế hay không, số tiền trốn thuế, gây thất thu cho ngân sách nhà nước là bao nhiêu. Tuy nhiên, đến nay Cơ quan CSĐT Công an quận L vẫn chưa nhận được Kết luận giám định của Cục Thuế thành phố Đ nên chưa có căn cứ để kết luận có hay không hành vi Trốn thuế để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với những vấn đề này Cơ quan CSĐT Công an quận L đã tiến hành tách hành vi có dấu hiệu Trốn thuế và các nội dung, thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý theo quy định theo Quyết định phân công giải quyết nguồn tin số 1163 ngày 26.6.2024 của Cơ quan CSĐT Công an quận L. HĐXX đề nghị Cơ quan CSĐT Công an quận L tiếp tục điều tra, xử lý và khởi tố vụ án khi có đủ căn cứ.

+ Đối với các đối tượng có tên D1, H7, H8, H1 (đều không rõ lai lịch) và các đối tượng chưa rõ lai lịch có liên quan đến hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Đặng Thị H, hiện Cơ quan CSĐT Công an quận L vẫn chưa xác định được lai lịch các đối tượng nói trên. HĐXX đề nghị Cơ quan CSĐT Công an quận L tiếp tục điều tra, xử lý và khởi tố khi có đủ căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị H phạm tội “In, phát hành, mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”

2. Căn cứ: Điểm b, d, đ, Khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: Đặng Thị H **03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 11.01.2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402049911; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172915; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402006650; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402024716; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV C2, MST: 0402033414; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402063320; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N3, MST: 0402065409; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV N4, MST: 0402073590; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402033407; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV Đ2, MST: 0402050610; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402174535; 02 (hai) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402167707; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402172707; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402157628; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV V1, MST: 0402176028; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8 Thịnh, MST: 0402179766; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402179290; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402177180; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074153; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số: 00001 của Công ty T8; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV T8, MST: 0402073657; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH T8, MST: 0402074072;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) máy tính xách tay, bên ngoài và bàn phím dán decan màu trắng có nhiều hình họa tiết khác nhau, chưa xác định nhãn hiệu và chưa kiểm tra tình trạng bên trong; kèm 01 dây nguồn màu đen.

+ Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Đặng Thị H đã nộp là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001777 ngày 12/8/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị D1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 VĂN LÊ GIA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Văn T6”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phạm Tiến Q”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV Đ2”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đào Bảo L”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 HUỲNH NGHĨA”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC

Huỳnh Ngọc N1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị T4”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8 TỔNG HỢP HỮU CHÍNH PHÁT”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Huỳnh Hữu C”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 VÀ DV TỔNG HỢP THÀNH ĐẠT PHÚC”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Đặng Thị D2”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV V1”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Anh H3”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 THỊNH”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Trần Văn H4”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH MTV T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Bá Đ1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Phan Văn R”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 DỪNG”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn D”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8 SƠN”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Lê Thị Mai L1”; 01 (một) con dấu tròn tên “CÔNG TY TNHH T8”; 01 (một) dấu tên “GIÁM ĐỐC Dương Quang T5”;

+ 01 (một) USB token chữ ký số màu đỏ có ghi chữ “MD” phía ngoài bằng bút mực;

+ 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “HOA SƠN”; 01 (một) USB token chữ ký số màu trắng có ghi chữ “QUANG THÀNH”;

+ 16 USB token chữ ký số, trong đó: 12 USB màu đỏ, 04 USB màu trắng và 01 USB màu xanh.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền mà bị cáo Đặng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc xuất bán hóa đơn GTGT là 10.630.383.850 đồng, bị cáo đã nộp được số tiền 20.000.000đ, còn lại phải truy thu số tiền là 10.610.383.850 đồng (mười tỷ sáu trăm mười triệu ba trăm tám mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng).

(Toàn bộ vật chứng nêu trên, Chi cục thi hành án Dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2024).

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng;
- CQĐT -Công an quận Liên Chiểu;
- Cơ quan THAHS – Công an Q, Liên Chiểu;
- Nhà tạm giữ - Công an quận Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nguyễn Thi Thi

